Hiệu lực từ 20.10.2026

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI

ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC (KHTC)
(KHÔNG BAO GỒM TỔ CHỨC TÍN DỤNG)

A. HUY ĐỘNG VND:

1. NHÓM KHTC THÔNG THƯỜNG

1.1 TIỀN GỬI THANH TOÁN (KHÔNG KỲ HẠN) VND

LÃI SUẤT TIỀN GỬI THANH TOÁN THÔNG THƯỜNG/TIỀN GỬI LÃI BẬC THANG/TIỀN GỬI THANH TOÁN VƯỢT TRỘI/ TIỀN GỬI ĐẦU TƯ TRỰC TUYẾN	
Số dư cuối ngày	**Lãi suất** (%/năm)
Dưới 10 tỷ đồng	0,01
Từ 10 tỷ đồng trở lên	0,05

LÃI SUẤT THƯỞNG TIỀN GỬI THANH TOÁN LÃI SUẤT CÓ THƯỞNG
Lãi suất Khách hàng được hưởng = Lãi suất TGTT thông thường + Lãi suất thưởng
Lãi suất thưởng: 0,00%/ năm

1.2 LÃI SUẤT TIỀN GỬI CKH TẠI QUẦY – LÃNH LÃI CUỐI KỲ:

Mức gửi/Tk (triệu VND)	Kỳ hạn/ Lãi suất (%/năm)												
	1/2/3 tuần	01 tháng	02 tháng	03 tháng	04 tháng	05 tháng	06 tháng	09 tháng	12 tháng	13 tháng	15 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng
1 - < 200	0,50	3,50	3,70	3,90	4,00	4.00	4,00	4,20	4,70	4,80	4,80	4,80	4,80	4,80
200 - < 1.000		3,60	3,80	4,00	4,10	4,10	4,10	4,30	4,80	4,80	4,80	4,80	4,80	4,80
1.000 - < 5.000		3,65	3,85	4,05	4,15	4,15	4,15	4,35	4,85	4,80	4,80	4,80	4,80	4,80
≥ 5.000		3,70	3,90	4,10	4,20	4,20	4,20	4,40	4,90	4,80	4,80	4,80	4,80	4,80

1.3 LÃI SUẤT TIỀN GỬI CKH TẠI QUẦY – LÃNH LÃI ĐỊNH KỲ:

Mức gửi/Tk (triệu VND)	Kỳ hạn/ Lãi suất (%/năm)									
	Lãi hàng tháng						Lãi hàng quý			
	12 tháng	13 tháng	15 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng	12 tháng	15 tháng	18 tháng	24 tháng
1 - < 200	4,55	4,65	4,60	4,60	4,55	4,45	4.60	4,65	4,65	4,60
200 - < 1.000	4,65	4,65	4,60	4,60	4,55	4,45	4.70	4,65	4,65	4,60
1.000 - < 5.000	4,70	4,65	4,60	4,60	4,55	4,45	4.75	4,65	4,65	4,60
≥ 5.000	4,75	4,65	4,60	4,60	4,55	4,45	4.80	4,65	4,65	4,60

1.4 LÃI SUẤT TIỀN GỬI CKH TẠI QUẦY – LÃNH LÃI ĐẦU KỲ (LÃNH LÃI TRƯỚC):

Mức gửi/Tk (triệu VND)	Kỳ hạn/ Lãi suất (%/năm)												
	01 tháng	02 tháng	03 tháng	04 tháng	05 tháng	06 tháng	09 tháng	12 tháng	13 tháng	15 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng
1 - < 200	3,45	3,65	3,85	3,90	3,90	3,90	4,05	4,45	4,55	4,50	4,45	4,35	4,15
200 - < 1.000	3,55	3,75	3,95	4,00	4,00	4,00	4,15	4,55	4,55	4,50	4,45	4,35	4,15
1.000 - < 5.000	3,60	3,80	4,00	4,05	4,05	4,05	4,20	4,60	4,55	4,50	4,45	4,35	4,15
≥ 5.000	3,65	3,85	4,05	4,10	4,10	4,10	4,25	4,65	4,55	4,50	4,45	4,35	4,15

1.5 LÃI SUẤT TIỀN GỬI CKH ONLINE – LÃNH LÃI CUỐI KỲ:

Mức gửi/Tk (triệu VND)	Kỳ hạn/ Lãi suất (%/năm)												
	1/2/3 tuần	01 tháng	02 tháng	03 tháng	04 tháng	05 tháng	06 tháng	09 tháng	12 tháng	13 tháng	15 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng
1 - < 200	0,50	4,30	4,40	4,40	4,40	4,40	4,40	4,60	5,20	5,20	5,20	5,20	5,20	5,20
200 - < 1.000		4,40	4,50	4,50	4,50	4,50	4,50	4,70	5,30	5,20	5,20	5,20	5,20	5,20
1.000 - < 5.000		4,45	4,55	4,55	4,55	4,55	4,55	4,75	5,35	5,20	5,20	5,20	5,20	5,20
≥ 5.000		4,50	4,60	4,60	4,60	4,60	4,60	4,80	5,40	5,20	5,20	5,20	5,20	5,20

2. NHÓM CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY BẢO HIỂM, QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1 TIỀN GỬI THANH TOÁN (KHÔNG KỲ HẠN) VND

LÃI SUẤT TIỀN GỬI THANH TOÁN THÔNG THƯỜNG/TIỀN GỬI LÃI BẬC THANG/TIỀN GỬI THANH TOÁN VƯỢT TRỘI/ TIỀN GỬI ĐẦU TƯ TRỰC TUYẾN	
Số dư cuối ngày	**Lãi suất** (%/năm)
Dưới 10 tỷ đồng	0,05
Từ 10 tỷ đồng trở lên	0,10

LÃI SUẤT THƯỞNG TIỀN GỬI THANH TOÁN LÃI SUẤT CÓ THƯỞNG
Lãi suất Khách hàng được hưởng = Lãi suất TGTT thông thường + Lãi suất thưởng
Lãi suất thưởng: 0%/ năm

2.2 LÃI SUẤT TIỀN GỬI CKH TẠI QUẦY – LÃNH LÃI CUỐI KỲ:

Mức gửi/Tk (triệu VND)	Kỳ hạn/ Lãi suất (%/năm)												
	1/2/3 tuần	01 tháng	02 tháng	03 tháng	04 tháng	05 tháng	06 tháng	09 tháng	12 tháng	13 tháng	15 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng
1 - < 200	0,5	3,70	3,80	4,00	4,20	4,20	4,20	4,30	4,70	4,80	4,80	4,80	4,80	4,80
200 - < 1.000		3,70	3,80	4,00	4,20	4,20	4,20	4,30	4,70	4,80	4,80	4,80	4,80	4,80
1.000 - < 5.000		3,70	3,80	4,00	4,20	4,20	4,20	4,30	4,70	4,80	4,80	4,80	4,80	4,80
≥ 5.000		3,70	3,80	4,00	4,20	4,20	4,20	4,30	4,70	4,80	4,80	4,80	4,80	4,80

2.3 LÃI SUẤT TIỀN GỬI CKH TẠI QUẦY – LÃNH LÃI ĐỊNH KỲ:

Mức gửi/Tk (triệu VND)	Kỳ hạn/ Lãi suất (%/năm)									
	Lãi hàng tháng						Lãi hàng quý			
	12 tháng	13 tháng	15 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng	12 tháng	15 tháng	18 tháng	24 tháng
1 - < 200	4,55	4,65	4,60	4,60	4,55	4,45	4,60	4,65	4,65	4,60
200 - < 1.000	4,55	4,65	4,60	4,60	4,55	4,45	4,60	4,65	4,65	4,60
1.000 - < 5.000	4,55	4,65	4,60	4,60	4,55	4,45	4,60	4,65	4,65	4,60
≥ 5.000	4,55	4,65	4,60	4,60	4,55	4,45	4,60	4,65	4,65	4,60

2.4 LÃI SUẤT TIỀN GỬI CKH TẠI QUẦY – LÃNH LÃI ĐẦU KỲ (LÃNH LÃI TRƯỚC):

Mức gửi/Tk (triệu VND)	Kỳ hạn/ Lãi suất (%/năm)										
	01 tháng	02 tháng	03 tháng	06 tháng	09 tháng	12 tháng	13 tháng	15 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng
1 - < 200	3,65	3,75	3,95	4,10	4,15	4,45	4,55	4,50	4,45	4,35	4,15
200 - < 1.000	3,65	3,75	3,95	4,10	4,15	4,45	4,55	4,50	4,45	4,35	4,15
1.000 - < 5.000	3,65	3,75	3,95	4,10	4,15	4,45	4,55	4,50	4,45	4,35	4,15
≥ 5.000	3,65	3,75	3,95	4,10	4,15	4,45	4,55	4,50	4,45	4,35	4,15

B.HUY ĐỘNG NGOẠI TỆ (USD, JPY, EUR)

LÃI SUẤT TIỀN GỬI USD (%/năm)	
Kỳ hạn	**Lãi suất**
TG không kỳ hạn	0,00
TG kỳ hạn từ 1 tuần đến 13 tháng	0,00
LÃI SUẤT TIỀN GỬI JPY (%/năm)	
TG kỳ hạn 1/2/3/6/9/12 tháng	0,00
LÃI SUẤT TIỀN GỬI EUR (%/năm)	
TG không kỳ hạn	0,00

Ghi chú:
– Lãi suất tính trên cơ sở một năm 365 ngày.
– Tùy thuộc vào thỏa thuận giữa Khách hàng và ACB mà có thể áp dụng lãi suất khác mức lãi suất trên nhưng không vượt quá trần lãi suất theo quy định của NHNN từng thời kỳ.
– Lãi suất áp dụng khi KHTC rút trước hạn tiền gửi có kỳ hạn VND: 0,01%/năm (đối với Nhóm KHTC thông thường), 0,05%/năm (đối với Nhóm Cty Chứng khoán, Cty bảo hiểm, Quỹ và Cty Quản lý quỹ, Cty đầu tư tài chính)